

Nhà Bè, ngày 16 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Lê T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Đoàn Văn Bơ, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đào Sư Tích, tổ S, ấp B, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lưu N, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Đoàn Văn Bơ, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đào Sư Tích, tổ S, ấp B, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Lê T và ông Lưu N là hợp pháp. Hai bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung, trong đó có 01 trẻ đã trưởng thành tên: Lưu P (Nam), sinh ngày: 27/01/2003 và 01 trẻ chưa trưởng thành tên: Lưu Q (Nam), sinh ngày: 28/11/2013. Hai bên cùng thoả thuận giao cho bà Lê T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Lưu Thiên Q. Ông Lưu N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê T và ông Lưu N mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê T và ông Lưu N thuận tình ly hôn. (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/02 do Ủy ban nhân dân phường 5, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/8/2002).

- Về con chung và việc cấp dưỡng: Có 02 con chung, trong đó có 01 trẻ đã trưởng thành tên: Lưu P (Nam), sinh ngày: 27/01/2003 và 01 trẻ chưa trưởng thành tên: Lưu Q (Nam), sinh ngày: 28/11/2013. Hai bên cùng thỏa thuận giao cho bà Lê T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Lưu Thiên Q. Ông Lưu N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Lưu N đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Lưu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Trường hợp có căn cứ dựa trên cơ sở lợi ích của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 86, khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Lê T và ông Lưu N mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0073286 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà Lê T và ông Lưu N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2018 thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2018; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2018.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- CCTHADS huyện Nhà Bè;
- UBND phường N, quận B, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Hữu Đức